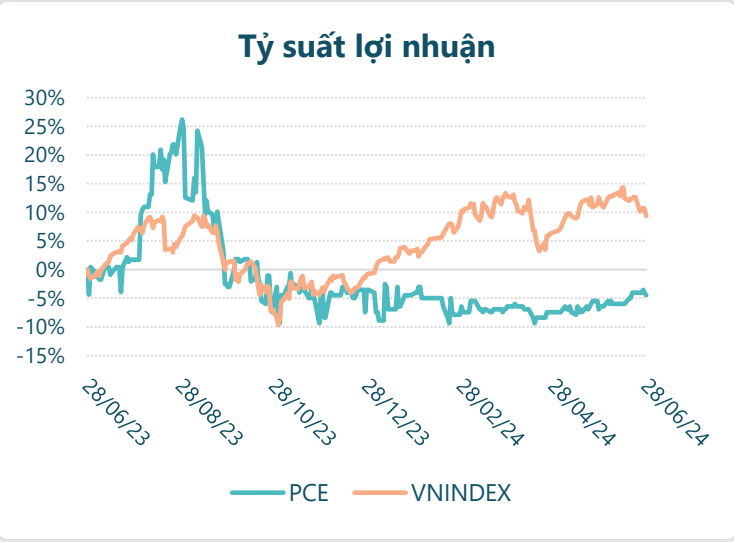


Ngày	19,600 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.0%	2.1%	-1.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	18,600 - 25,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	196
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,000
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.02
EPS	2,566
P/E	7.6



Doanh thu thuần
Q2/24

1,173

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 460 | 64.5%

YoY: ▲ 48.0 | 4.3%

Nợ/VCSH
Q2/24

74.8%

YoY: +/- ▲ 48.2%

LN gộp
Q2/24

25.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.60 | 28.0%

YoY: ▼ 0.50 | -1.8%

ROE (TTM)
Q2/24

12.5%

YoY: +/- ▲ 1.4%

LN trước thuế
Q2/24

13.4

tỷ VNĐ

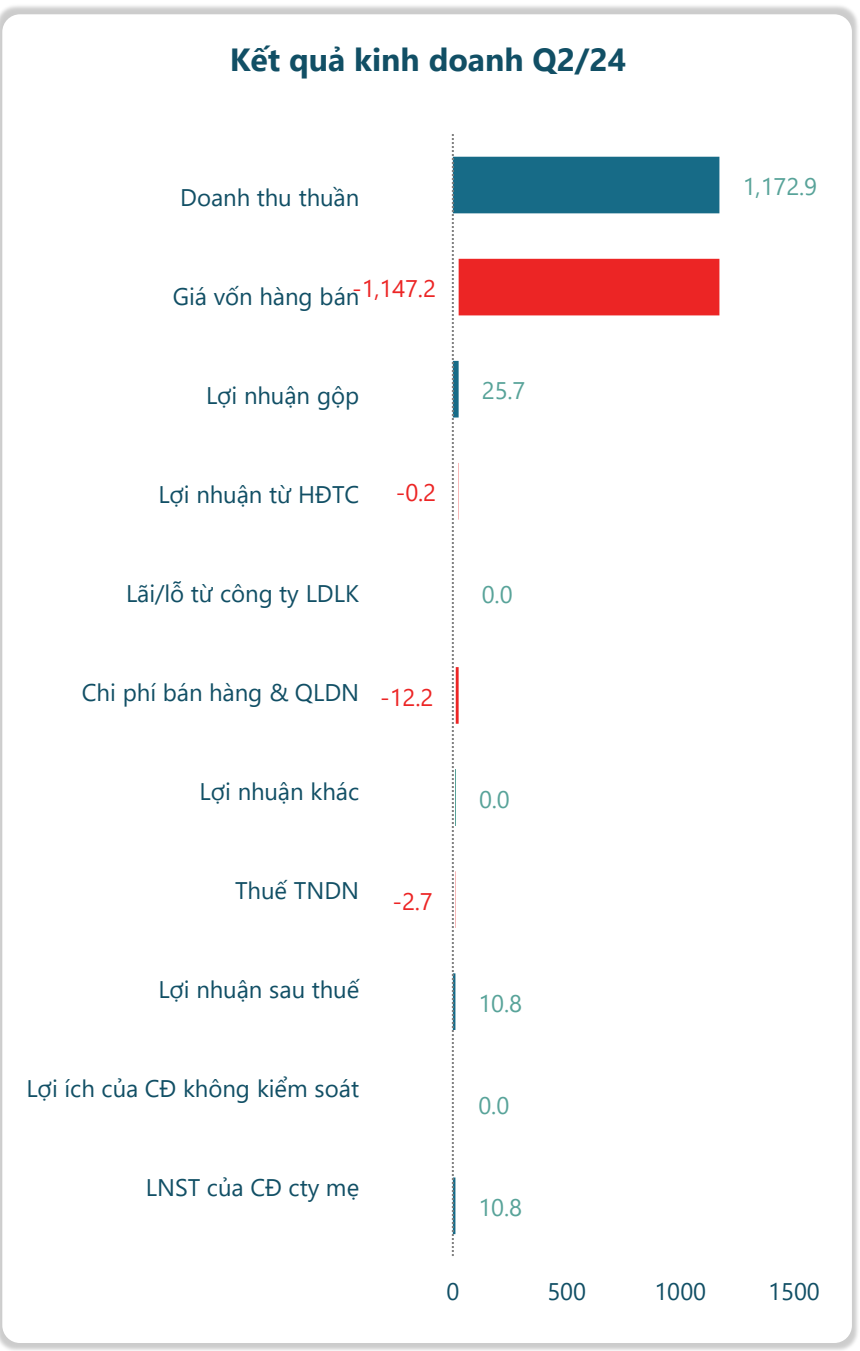
QoQ: ▲ 5.16 | 63.2%

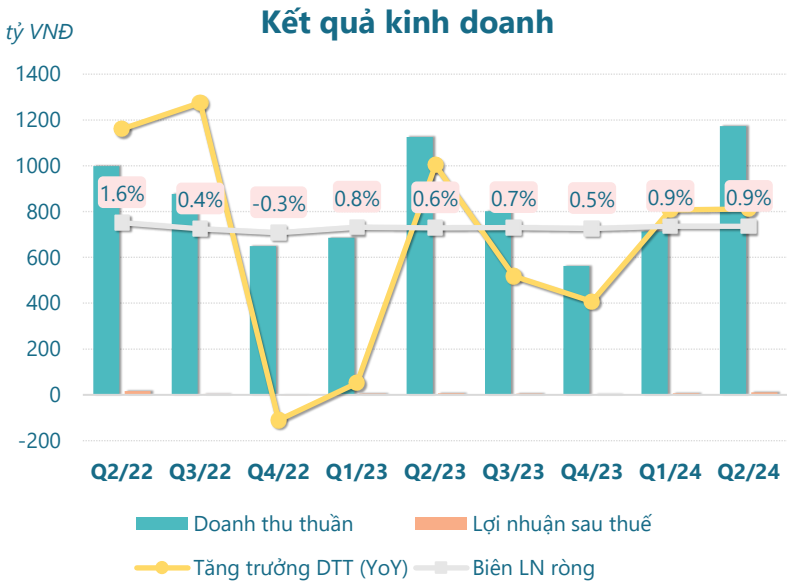
YoY: ▲ 4.33 | 48.2%

ROA (TTM)
Q2/24

8.0%

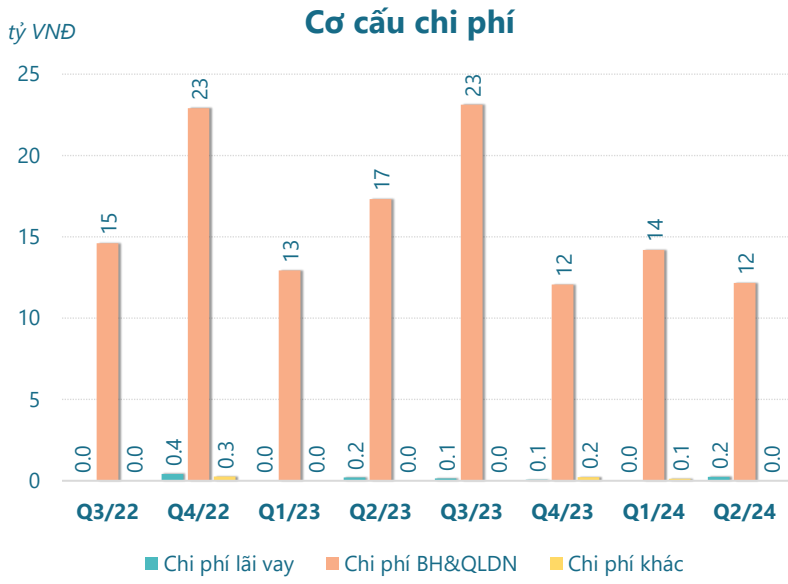
YoY: +/- ▼ 1.3%





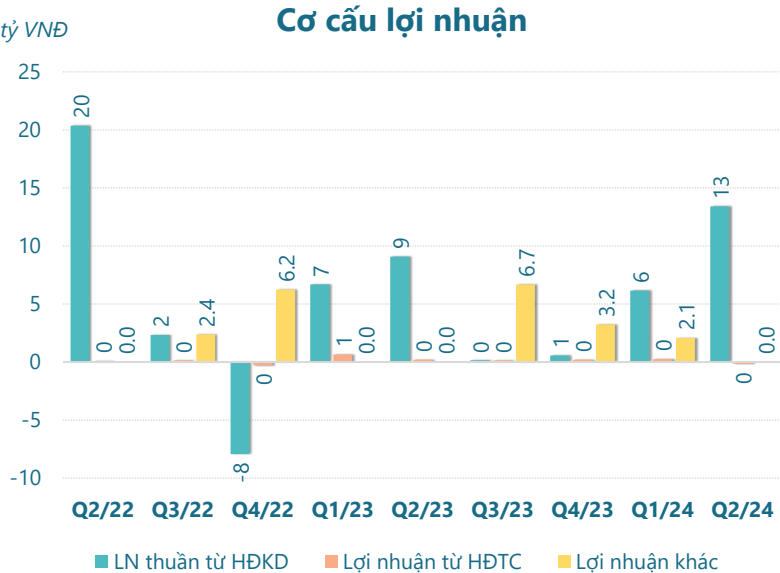
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 13.41 tỷ đồng**, tăng thêm 118% so với kỳ trước và cao hơn 47.9% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.16 tỷ đồng** giảm đi 164% so với kỳ trước và thấp hơn 180% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.04 tỷ đồng**, giảm đi 98.1% so với kỳ trước và tăng thêm 0.04 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PCE** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,173 tỷ đồng** tăng thêm **4.25%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 10.76 tỷ đồng, tăng trưởng 48.2%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,886 tỷ đồng** cao hơn 4.14% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 17.00 tỷ đồng** cao hơn 30.8% so với cùng kỳ năm trước.



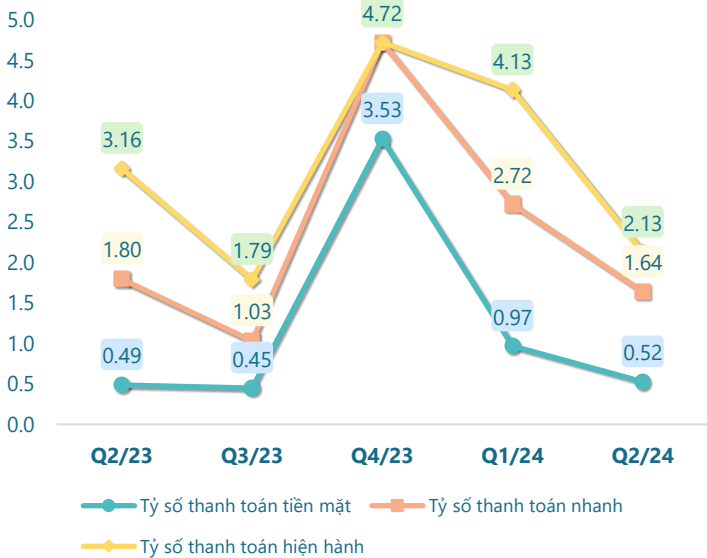
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.24 tỷ đồng** tăng thêm 0.24 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 20.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **12.16 tỷ đồng** giảm đi 14.3% so với kỳ trước và thấp hơn 29.8% so với cùng kỳ năm trước.

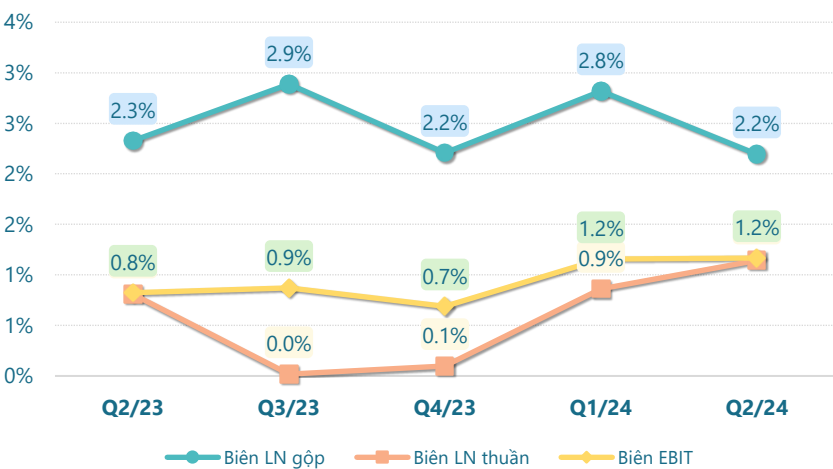
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,173	713	64.5%	1,125	4.3%	1,886	1,811	4.2%
Giá vốn hàng bán	1,147	693	65.5%	1,099	4.4%	1,840	1,765	4.2%
Lợi nhuận gộp	25.7	20.1	28.0%	26.2	-1.8%	45.8	45.1	1.5%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.25	-69.4%	0.40	-80.9%	0.32	1.06	-69.5%
Chi phí TC	0.24	0.00		0.20	19.6%	0.24	0.20	18.2%
Chi phí lãi vay	0.24	0.00		0.20	19.6%	0.24	0.20	18.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	7.24	9.15	-20.9%	12.3	-41.2%	16.4	19.7	-16.9%
Chi phí QLDN	4.92	5.04	-2.4%	5.06	-2.8%	9.96	10.5	-5.5%
LN thuần từ HĐKD	13.4	6.15	118%	9.07	47.8%	19.6	15.7	24.3%
Lợi nhuận khác	0.04	2.09	-98.2%	0.00		2.13	0	
LN trước thuế	13.4	8.24	63.2%	9.07	48.2%	21.7	15.7	37.8%
Lợi nhuận sau thuế	10.8	6.56	64.0%	7.26	48.1%	17.3	12.6	37.5%
LNST của CĐ cty mẹ	10.8	6.56	64.0%	7.26	48.1%	17.3	12.6	37.5%

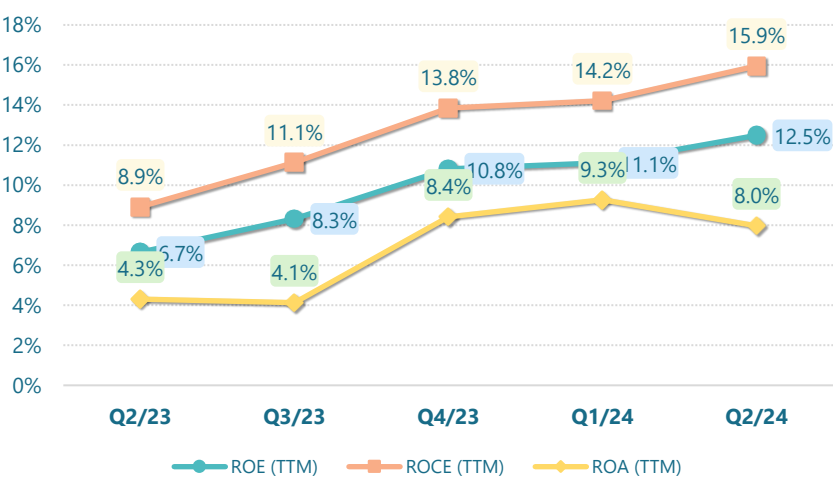
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

